TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2019
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Đào

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; bà Phan Thị Minh Tuyết

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 49/2018/TLST - HNGĐ, ngày 11/12/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 05/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Trần Anh D**, sinh năm 1981 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: **Chị Võ Thị T**, sinh năm 1985; nơi đăng ký HKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố 1, phường B, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Nhật Bản (Vắng mặt).

3. Những người tham gia tố tụng khác:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1954, địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh (là mẹ đẻ của chị Võ Thị T), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ vụ án, anh Trần Anh D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị T tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh ngày 22/01/2009. Anh và chị T chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có tình cảm với người khác. Mặc dù, anh đã nhiều lần khuyên giải để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng chị T không thay đổi dẫn đến gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau và không tin tưởng lẫn nhau. Từ tháng 12/2016, chị T đi lao động tại Nhật Bản và vợ chồng chính thức sống ly thân, không liên lạc với

nhau. Từ đó đến nay chị T không gọi điện cũng không quan tâm đến chồng cũng như các con, đời sống chung của hai vợ chồng không thể tiếp tục hàn gắn, hòa hợp. Vì vậy, anh làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng anh D, chị T có hai con chung là Trần Võ Anh T, sinh ngày 11/8/2009, Trần Võ Quỳnh A, sinh ngày 16/5/2014, hiện hai con đang được anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D có nguyện vọng sau khi giải quyết ly hôn, được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa, anh D thay đổi yêu cầu và đồng ý giao cháu Trần Võ Quỳnh A cho chị T nuôi dưỡng, nay chị T chưa về Việt Nam, có nguyện vọng nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Quỳnh A. Anh sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Võ Anh T.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ án, đã đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Anh D, xử cho anh Trần Anh D được ly hôn với chị Võ Thị T; về con chung: Giao cháu Trần Võ Anh T cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Trần Võ Quỳnh A cho chị Tình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Võ Thị T hiện đang lao động tại Nhật Bản, không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 6837/A08-P5, ngày 24/12/2018 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Võ Thị T được Cục quản lý xuất nhập cảnh cấp hộ chiếu số B7967462 ngày 29/5/2013, hộ chiếu được sử dụng để xuất cảnh ngày 03/11/2016, hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 BLTTDS.

[1.2] Toà án đã tiến hành xác minh qua người thân của chị Tình là bà Nguyễn Thị H, mẹ đẻ chị T (tại biên bản xác minh ngày 21/12/2018 và Biên bản lấy lời khai ngày 02/02/2019), bà H cho biết chị T có liên lạc với gia đình qua điện thoại, biết việc anh D làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên, chị T cũng như người nhà không cung cấp địa chỉ cụ thể, tuy vậy chị đã gửi giấy tờ về trình bày quan điểm của mình đồng ý ly hôn anh D, tài sản, nợ chung không yêu cầu giải quyết nhưng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Trần Võ Quỳnh A, hiện chị chưa về Việt Nam để trực tiếp nuôi con nhưng chị nhờ bố mẹ đẻ chăm sóc con, hàng tháng gửi tiền về nuôi con. Bà H đồng ý với yêu cầu của chị T và đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng của Tòa án thông qua gia đình chị T là bố mẹ chị và bà cam đoan sẽ gửi và thông tin đầy đủ cho chị T, nếu chị T gửi tài liệu về thì ông bà sẽ giao nộp cho Tòa án. Theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày

26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị Võ Thị T theo quy định.

[1.3] Về Đơn đề nghị và Giấy ủy quyền ký tên Võ Thị T do bà H giao nộp qua đường bưu điện cho Tòa án, thấy rằng tài liệu này không đảm bảo quy định tại Điều 93, 94, 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên không được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sẽ tham khảo trong quá trình xem xét, đánh giá toàn diện nội dung vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Trần Anh D đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn 22/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, tuy nhiên quá trình chung sống và sau khi chị T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì xảy ra mâu thuẫn. Theo anh D thì mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn sự tin tưởng, tôn trọng, yêu thương nhau. Hiện tại, cả hai không liên lạc với nhau. Mỗi người đều có cuộc sống riêng và mong muốn được ly hôn.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của chị T và anh D không đạt được mục đích đó, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung thủy, giúp đỡ nhau. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định . *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Anh D xử cho anh Trần Anh D và chị Võ Thị T được ly hôn với nhau để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

[2.2] Quan hệ con chung: Cháu Trần Võ Anh T, sinh ngày 11/8/2009, Trần Võ Quỳnh A, sinh ngày 16/5/2014 hiện đang được anh Trần Anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hai cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Anh D yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Võ Anh T, cháu T cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với anh D. Nên cần chấp nhận yêu cầu của anh D và nguyện vọng của cháu T. Về nguyện vọng của chị T muốn được nuôi dưỡng cháu Trần Võ Quỳnh A. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù chị T hiện chưa về Việt Nam để trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà H khẳng định tài liệu bà gửi cho Tòa án: Đơn kiến nghị và giấy ủy quyền ngày 03/01/2019 là của chị T gửi về thể hiện nguyện vọng được nuôi cháu Quỳnh A và nhờ bố mẹ chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị gửi tiền về nuôi con hàng tháng. Bà H có văn bản gửi Tòa án cũng như trình bày tại phiên tòa, bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A đến khi chị T về Việt Nam theo đúng nguyện vọng của chị T. Về yêu cầu của chị T, anh D đồng ý và không yêu cầu gì thêm. Thấy rằng, mặc dù chị T hiện không thể thực hiện quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, tuy nhiên các bên đã thể hiện được sự thống nhất về việc phân chia và nuôi dưỡng con

chung nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Mặt khác, hiện nay điều kiện về kinh tế của anh D còn khó khăn, chị T đi lao động ở nước ngoài có thu nhập nên xét thấy việc giao cháu Quỳnh A cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 28, 37, 227, 273, 469, 479, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Anh D. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Trần Anh D và bị đơn chị Võ Thị T được ly hôn với nhau.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Võ Anh T, sinh ngày 11/8/2009 cho anh Trần Anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Trần Võ Quỳnh A, sinh ngày 16/5/2014 cho chị Võ Thị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Võ Thị T đang ở nước ngoài, giao cháu Trần Võ Quỳnh A cho bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ chị T) chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Buộc anh Trần Anh D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001262 ngày 11/12/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bích Đào